

**VAI TRÒ VÀ VỊ TRÍ CỦA THẦY TÀO NGƯỜI NÙNG PHÀN
SLÌNH Ở THÔN SƠN HỒNG, XÃ GIA CÁT, HUYỆN
CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

Tóm tắt: Bài viết là kết quả từ nghiên cứu điền dã tại thôn Sơn Hồng trong tháng Một và tháng Hai năm 2021. Qua tổng quan tài liệu, tôi nhận thấy những công trình đã công bố về tín ngưỡng tào ở Việt Nam và Trung Quốc hầu như mới chỉ đề cập đến khía cạnh tín ngưỡng, trong khi đời sống của thầy tào vẫn chưa được các nhà nghiên cứu tìm hiểu. Dựa trên những phát hiện trong quá trình nghiên cứu điền dã, bài viết đi sâu phân tích đời sống kinh tế và vị thế xã hội của thầy tào ở thôn Sơn Hồng, qua đó góp thêm một góc nhìn về thầy tào - những người được cho là trí thức dân gian, có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người Nùng Phàn Slình từ truyền thống tới hiện tại.

Từ khóa: Nùng Phàn Slình; thầy tào; Sơn Hồng; Lạng Sơn.

Mở đầu

Tào là một loại hình tín ngưỡng dân gian có nguồn gốc lâu đời, gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của người Nùng Phàn Slình ở thôn Sơn Hồng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam. Trong quan niệm của người dân, tào là những người hành nghề tín ngưỡng được xếp ở bậc cao nhất, là anh cả của các vị thầy cúng khác như mo, then. Biểu hiện về thứ bậc của thầy tào được thể hiện ở việc có nhiều sách cúng viết bằng chữ Nho, có nhiều vật thiêng hỗ trợ trong quá trình hành nghề, có thể chủ trì nghi lễ tang ma, là người đóng ấn hành nghề cho các thầy mo, then trong lễ *cấp sắc*.

* Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngày nhận bài: 17/6/2022; Ngày biên tập: 28/7/2022; Duyệt đăng: 30/8/2022.

Thầy tào là những người vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng. Người dân quan niệm họ là những người có khả năng đặc biệt, có thể giúp người trần bày tỏ ý niệm với thế giới thần linh, giúp cộng đồng cầu an giải hạn, xua đuổi tà ma, chủ trì những nghi lễ vòng đời... Ngoài ra, thầy tào còn giỏi chữ Nho, biết xem ngày lành tháng tốt, so số mệnh, có tài ăn nói khéo léo, nên thường được cộng đồng nhờ cậy mỗi khi gia đình có công việc. Với đặc thù là những người chăm lo mảng tín ngưỡng cho người dân, lại am hiểu phong tục và sống đức độ, nên trong xã hội, thầy tào thường là những người có uy tín và được cộng đồng tôn trọng.

Mặc dù thầy tào có vai trò quan trọng trong đời sống như vậy, nhưng qua tổng quan nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy hiện nay, cả ở Việt Nam và Trung Quốc, các công trình nghiên cứu về tào mới chỉ dừng lại ở dạng khảo tả về mặt lễ nghi và vai trò tín ngưỡng. Đời sống của thầy tào về kinh tế và xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Trên cơ sở kế thừa kết quả của những công trình đã công bố, trong nghiên cứu này, chúng tôi đi sâu vào tìm hiểu đời sống của các thầy tào ở thôn Sơn Hồng, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn với mong muốn góp thêm một góc nhìn về một khía cạnh văn hóa tinh thần vô cùng quan trọng.

1. Vài nét về thôn Sơn Hồng

Thôn Sơn Hồng nằm ở phía Đông Bắc của xã Gia Cát với diện tích tự nhiên khoảng hơn 420 hecta, địa hình chủ yếu là đồi núi, xen lẫn các thung lũng, độ cao trung bình khoảng 500-700m so với mực nước biển. Trên địa bàn thôn có dòng suối Khuổi Cải chảy từ khe núi qua Tình Slung - Nà Hùng - Nà Bó.

Theo tài liệu về địa danh Việt Nam, đầu thế kỷ XIX, vùng đất Sơn Hồng thuộc tổng Trinh Nữ (châu Lộc Bình). Thời vua Đồng Khánh (1886-1888), tổng Trinh Nữ chuyển sang Cao Lộc để thành lập châu Cao Lộc. Lúc đó, thôn Sơn Hồng thuộc xã Hoàng Lâm với ba xóm là Tình Slung, Nà Bó, Nà Hùng. Theo sử liệu, trang Hoàng Lâm lúc bấy giờ phía Đông giáp suối Hang Tầm (trang Bắc Nga); phía Tây giáp suối Bắc Hợp (trang Quảng Trừ), sông Bàng Khương (trang Trinh Nữ) và sông Thác Khái (trại Như Ngao); phía Bắc giáp sông Thác Khái

(trại Như Ngao) và núi Pò Chân (trang Trinh Nữ) [Vũ Thị Minh Hương và cộng sự, 1999: 534-535].

Những năm đầu thế kỷ XX, dưới thời nhà Nguyễn, tên gọi Sơn Hồng vẫn chưa được nhắc đến trong tài liệu. Dựa trên sử liệu và tài liệu khảo sát, tên gọi Sơn Hồng có lẽ mới hình thành từ giữa thế kỷ XX. Hiện nay, Sơn Hồng là một trong mười thôn của xã Gia Cát với năm bản là: Tình Slung, Nà Hùng, Càng Nọc, Nà Mầu và Tình Pồ. Theo tài liệu, Tình Slung là bản hình thành đầu tiên, tiếp đó là Nà Hùng, Càng Nọc, Còng Mầu, bản Tình Pồ mới có gần đây nhất. Nà Hùng, Nà Mầu, Tình Pồ do người dân ở Tình Slung di cư lập nên bản. Riêng bản Càng Nọc là sự cộng cư của một số người dân ở Tình Slung chuyển ra và một số hộ ở Tầm Hiền (xã Hòa Cư) mới chuyển đến. Sơn Hồng là thôn có 100% dân cư là người Nùng Phàn Slinh.

Về mặt dân cư, tính đến tháng 12/2020, thôn có năm bản, 72 hộ với 372 người¹. Theo các nhà nghiên cứu, tộc người này di cư từ châu Vạn Thừa đến, cách ngày nay gần 300 năm [Vương Toàn, 2012: 169-178]. Theo lời kể của bậc cao niên trong thôn, “họ Hoàng vốn ở thôn Nà Pài, xã Long Môn, châu Vạn Thừa, khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) di cư sang và định cư được bảy - tám đời” [Lê Minh Anh, 2019: 66].

Về mặt dòng họ, ở thôn có bốn họ: Hoàng (sáu mươi lăm hộ), Lý (ba hộ), Mã (ba hộ), Nông (một hộ). Theo Lê Minh Anh (2019), trước đây thôn Sơn Hồng chỉ có họ Hoàng cư trú độc lập được khoảng năm thế hệ, sau có thêm các họ Lý, Mã, Nông đến cộng cư [Lê Minh Anh, 2019: 77].

Về tín ngưỡng, người Nùng Phàn Slinh theo tín ngưỡng đa thần. Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng quan trọng nhất, bên cạnh đó họ cũng thờ Phật Bà Quan Âm, thần bếp, các loại ma lành và ma ác. Văn hóa của tộc người chịu ảnh hưởng của Tam giáo, đó là tín ngưỡng thờ cúng, quan niệm về nam nữ, những suy nghĩ về vũ trụ và đối nhân xử thế.

2. Khái quát về thầy tào ở thôn Sơn Hồng

Sơn Hồng là thôn có lượng thầy tào đông nhất ở huyện Cao Lộc (sáu thầy). Các thầy đều mang họ Hoàng và có mối quan hệ họ hàng

với nhau: ông Tày Tàu, Tày Hooc và Tày Slam là anh em ruột; ông Tày Tàu là bố của ông Sàng; ông Tày Sli có mối quan hệ họ hàng gần với ông Tày Tàu, Tày Hooc, Tày Slam và Tày Hả; ông Tày Nhì và ông Tày Sli có quan hệ họ hàng xa; ông Tày Nhì và các ông Tày Tàu, Tày Hooc, Tày Slam, Tày Hả, Tày Sli là họ hàng xa. Người lớn tuổi nhất là ông Tày Nhì (sinh năm 1961), người ít tuổi nhất là ông Tày Hả (sinh năm 1996). Người cấp sắc (cai tào) sớm nhất là ông Tày Tàu, năm 1990; người cấp sắc muộn nhất là ông Tày Hả, năm 2019.

Ông Hoàng Văn Nà sinh năm 1961, tên tào là Tày Nhì, cấp sắc năm 1991. Ông Hoàng Văn Hoa (1967) tên tào là Hoàng Tày Tàu, cấp sắc năm 1990. Ông Hoàng Văn Ròng (1968) tên tào là Tày Hooc, cấp sắc năm 2011. Ông Hoàng Văn Bường (1973) tên tào là Tày Slam, cấp sắc năm 1991. Ông Hoàng Văn Pàu (1984) tên tào là Tày Sli, cấp sắc năm 2011. Ông Hoàng Thế Sinh (1996) tên tào là Tày Hả, cấp sắc năm 2019.

Hầu hết các thầy tào đều là người có trình độ học vấn cao so với mặt bằng chung trong cộng đồng. Khi còn nhỏ, họ có cuộc sống giống như bao đứa trẻ miền núi khác, mỗi ngày một buổi đi học, một buổi ở nhà giúp bố mẹ công việc đồng áng, lúc chăn trâu, khi lên rừng lấy gỗ. Sau này khi lớn lên và kết hôn, họ trở thành trụ cột chính chịu trách nhiệm về kinh tế của gia đình.

Vợ của các thầy tào ở thôn Sơn Hồng đều là người đồng tộc. Mặc dù thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của một số thầy tào gặp nhiều trắc trở, nhưng hiện nay hầu hết họ đều có cuộc sống hạnh phúc, đặc biệt là gia đình ông Sơn và ông Tày Tàu.

Theo tài liệu khảo sát tại thôn Sơn Hồng, có hai con đường để trở thành tào: một là, tự nguyện nối nghề của gia đình (như trường hợp ông Tày Tàu, ông Tày Nhì, ông Tày Sli, ông Tày Hả); hai là, bắt buộc làm nghề vì có căn số (ông Tày Slam, ông Tày Hooc).

Trong tín ngưỡng tào, việc truyền nghề cho con cái luôn là mong muốn của ông cha. Bố của ông Tày Tàu là một ví dụ điển hình, mặc dù ông Tày Tàu không thích làm tào nhưng ông đã thuyết phục được con trai nối nghề. Hiện nay, ông Tày Tàu cũng đã thuyết phục được

con trai cả của mình nối nghề. Với ông, đó là niềm hạnh phúc lớn nhất khi làm nghề. Ông Tày Nhì cũng có hai con trai nhưng các con không ai nối nghề, nên ông luôn lo lắng sau này khi mình mất đi, con cháu sẽ bị tổ nghề trừng phạt.

Việc trừng phạt thường có biểu hiện như con cháu trong nhà thường xuyên ốm đau không rõ nguyên nhân, gia đình lục đục, kinh tế suy kiệt. Khi đó, người ta sẽ tìm đến thầy then để xem bói, khi phát hiện nguyên nhân, người được chọn bắt buộc phải làm tào thì gia đình mới yên ổn.

Trường hợp của ông Tày Slam ở bản Nà Hùng là ví dụ của việc làm nghề vì có căn số. Căn nguyên vào nghề là từ năm 1990, ông bắt đầu ốm yếu, mặc dù vẫn ăn được nhưng cơ thể suy nhược và không có sức lao động. Gia đình đến nhà thầy then để xem bói, kết quả là do tổ nghề bắt ông phải nối nghề làm tào của dòng họ. Sau đó, bố và gia đình động viên và thuyết phục được ông Tày Slam theo nghề. Năm 1991, sau khi gia đình chuẩn bị tiền và lương thực, lễ cấp sắc cho ông Tày Slam được tổ chức, sau lễ ông khỏi bệnh. Từ đó ông theo nghề và làm nông nghiệp bình thường.

Ông Tày Hooc cũng làm nghề vì có căn số. Cuộc sống hôn nhân của ông với người vợ thứ nhất không hạnh phúc, vợ chồng ly hôn. Với người vợ thứ hai, gia đình khá hạnh phúc nhưng đường con cái gặp nhiều trắc trở. Người con trai sinh năm 2001 của ông thường xuyên ốm nặng không rõ nguyên nhân. Đi xem bói thì thầy then nói số ông bắt buộc phải làm tào thì cuộc sống mới ổn định, vì thế năm 2011, ông làm lễ cấp sắc. Sau đó con trai ông cũng hết bệnh, đã tốt nghiệp trung học phổ thông và hiện nay làm ở khu công nghiệp.

Cấp sắc là nghi lễ quan trọng, là dấu mốc để một người bình thường trở thành người “cứu nhân độ thế”². Vậy nên, những người làm tào phải là đàn ông đã có vợ, nếu chưa có vợ thì sau khi làm lễ một thời gian phải nhanh chóng lập gia đình. Đây là nghi lễ lớn nên người ta cần chuẩn bị rất nhiều thứ như tiền, lương thực, thực phẩm, mời sư phụ và mời khách. Dưới đây là tư liệu về lễ cấp sắc của ông Tày Hả năm 2019.

Về vật chất, ngoài tiền, người ta phải chuẩn bị nhiều thứ khác. Gia đình phải chuẩn bị gạo để nấu cơm, làm xôi và làm bánh giầy; chuẩn bị lợn để thịt, thông thường cần ba con lợn (hai con do gia đình tự lo và một con do họ ngoại mang đến biếu); rau xanh, hoa quả, chè, rượu, vàng mã, hương, đèn...

Về con người, gia đình phải tính toán sao cho phù hợp với quy mô định tổ chức; thông thường một lễ cấp sắc mời khoảng trăm khách. Gia đình tìm năm ông tào để làm sư phụ cho người được cấp sắc³. Các thầy được mời đều có mối quan hệ thân thiết với bố của người được làm lễ. Họ cũng nhờ người đến giúp các công việc nấu nướng, thắp hương, phục vụ thầy tào. Khách được mời đến tham dự là bà con họ hàng, làng xóm.

Trước lễ cấp sắc khoảng năm ngày, người chuẩn bị được làm lễ mang một ít thịt lợn đến nhà các sư phụ để học cách nói năng, cách đối nhân xử thế, kiêng kỵ và nguyên tắc trong nghề. Vì nhà ông Tày Hả có bố làm tào, nên ngày đầu tiên bố ông dẫn đi, nếu bố không làm tào thì người được mời làm *xên tổ* là người đứng ra dẫn đi nhà đầu tiên. Người ta đi từ chiều hôm trước, đến ăn cơm, nghe sư phụ dạy, sáng hôm sau quay về; chiều hôm sau lại tiếp tục đi đến nhà thầy khác. Nhà đầu tiên đệ tử đến học là *páo cử*, nhà thứ hai là *chủ cai*, thứ ba là *xên pi*, thứ tư là *xên tổ*, không cần đến nhà *sập dậu*. Ba ngày trước nghi lễ, các vị sư phụ (*thấu slay*) đến nhà người được làm lễ cấp sắc. Mọi người cùng nhau xem sách, bàn bạc và phân việc cho từng người.

Lễ cấp sắc diễn ra trong khoảng hai mươi bốn tiếng, từ chiều ngày hôm trước đến chiều ngày hôm sau, mô tả hành trình ra đời của một thầy tào. Các nghi lễ chính gồm: báo cáo với tổ nghề và tổ tiên; chuẩn bị giấy, bút và mực; mời thần linh, tổ nghề về chứng kiến và giúp đỡ thực hiện công việc; hôn phối giữa đạo sư và pháp sư; mang thai; sinh nở; nhận họ hàng và kết bạn; nuôi dưỡng; chọn linh vật; chữa bệnh; trưởng thành; chỉ bảo các quy định và nguyên tắc nghề nghiệp; mở hội vui chơi; kết thúc nghi lễ.

Lễ cấp sắc của người Nùng Phàn Slinh ở thôn Sơn Hồng và nghi lễ của người Choang ở Quảng Tây về cơ bản có nhiều nét tương đồng. Đó là những nghi lễ miêu tả hành trình sinh ra và lớn lên của thầy tào,

những quy định và giới luật mà người làm nghề phải tuân theo để đảm bảo tính linh thiêng của nghề [Vô Lợi Quân (毋利军), 2020].

Khi đã trở thành thầy tào, người ta phải chấp hành những quy định và kiêng kỵ của nghề. Những người không giữ được giới luật sẽ bị tổ nghề trừng phạt, nhẹ thì ốm đau bệnh tật, nặng thì có thể phát đại hóa điên. Nhẹ phải làm lễ *Slam slay* để xin tổ nghề xóa tội; nặng phải làm lễ *Phung cuông* và vĩnh viễn không được làm nghề.

Sau khi làm lễ cấp sắc, vợ chồng phải kiêng “gần gũi” trong một trăm hai mươi ngày. Sau khi làm chủ lễ cho đám tang, chủ lễ, phải kiêng sinh hoạt vợ chồng bốn mươi ngày. Một tháng mỗi người chỉ nên đứng đầu thực hiện đám tang một lần vì làm đám ma rất mệt, nếu đứng đầu nhiều lễ trong một tháng, cơ thể có thể bị suy kiệt. Trong công việc, khi có người nhờ, nếu có thể giúp được thì không được phép từ chối; không được nói xấu đồng nghiệp; không lừa thầy dối đệ tử; khi sư phụ nhờ không được từ chối; lấy phụng sự nhân gian làm tôn chỉ sống; không được khinh người nghèo, trọng người giàu; khi đi làm không được đưa ra giá, gia chủ biếu bao nhiêu quà và tiền là tùy tâm [Nguyễn Thị Yên, 2009: 168-169].

Trong ăn uống, những người làm tào kiêng ăn thịt trâu, bò, nhất là thịt chó. Con cái và người thân có thể ăn, nhưng phải ăn ở nơi khác và tuyệt đối không được mang ba loại thịt trên vào trong nhà để chế biến. Khi đi làm về phải đặt lễ vật lên bàn thờ và thắp hương khấn báo với tổ nghề.

3. Cơ sở vật chất và thu nhập của các thầy tào

Thầy tào trước khi làm nghề cũng là những người bình thường, nên những lúc không đi cúng lễ, họ cũng làm nông nghiệp như những người nông dân khác. Ngoại trừ ông Nhật có hoàn cảnh kinh tế gia đình hơi khó khăn, các ông còn lại đều thuộc gia đình khá giả. Theo đánh giá của người dân ở thôn Sơn Hồng, thầy Tày Tàu và Tày Nhì là hai thầy tào có điều kiện kinh tế khá giả nhất. “Ở thôn mình, nhà ông Sơn và ông Duy có điều kiện kinh tế hàng đầu, nhà cửa khang trang, tivi, xe máy, máy cày... đầy đủ” (PVS ông Hoàng Văn H., sinh năm 1982, thôn Sơn Hồng, phỏng vấn tháng 01/2021).

Cha con ông Tày Tàu và Tày Hả ở nhà bê tông, xây năm 2005, thời điểm đó số tiền xây nhà khoảng sáu mươi triệu đồng. Nhà có xe máy, tivi, máy cày, bếp ga; xung quanh nhà được rào bằng bê tông khép kín. Gia đình có một mẫu ruộng, một hecta rừng. Ông Tày Nhì có nhà bê tông, xây năm 2016 với số tiền hơn hai trăm triệu đồng. Nhà ông có xe máy, tivi, máy cày, bếp ga; quanh nhà rào bê tông khép kín; nhà có một mẫu ruộng, hai - ba hecta rừng. Nhà bê tông của ông Tày Hooc xây năm 2018, chi phí khoảng năm trăm triệu đồng. Nhà có hai xe máy, tivi, máy cày, bếp ga; quanh nhà có tường rào bao quanh; có gần một mẫu ruộng, khoảng một hecta rừng. Ông Tày Sli ở nhà hai tầng, xây năm 2012 với số tiền khoảng tám trăm triệu đồng. Nhà có xe máy, tivi, máy cày, bếp ga; quanh nhà có tường rào khép kín. Nhà ông có hơn một mẫu ruộng và hơn một hecta rừng. Ông Tày Slam ở nhà bê tông, đã xuống cấp; nhà có xe máy, tivi, máy cày; có sáu sào ruộng, một hecta rừng.

Các thầy tào là trụ cột trong gia đình. Ngày mùa họ phải cày bừa, làm những công việc nặng nhọc. Kinh tế chính vẫn là trồng lúa, mỗi năm hai vụ: vụ xuân hè (tháng ba đến tháng sáu âm lịch) và vụ hè thu (tháng sáu đến tháng mười âm lịch). Ngoài ra, họ còn trồng thêm một số cây lương thực, như: ngô, khoai lang, sắn; các loại rau như cải bắp, su hào, cải ngồng, cà chua; các loại củ (củ đậu, khoai môn, khoai sọ, lạc), đậu xanh, đậu đỏ, đỗ tương, hòi; các loại quả, như: cam, mận, lê; nuôi lợn gà, trâu, ong... Vợ của các thầy tào cũng như những phụ nữ khác trong thôn, cứ bốn, năm ngày lại mang một xe rau ra chợ thành phố Lạng Sơn bán, thu được khoảng một triệu đồng.

Mặc dù làm nông nghiệp vất vả nhưng thu nhập lại rất ít, chưa kể những khi mất mùa. So với sản xuất nông nghiệp thì làm tào vẫn có thu nhập cao hơn. Do vậy, khi có người đến mời đi làm lễ, cả về nguyên tắc nghề nghiệp và lợi ích kinh tế, họ đều thấy rằng cần phải ưu tiên cho nghề tào.

Những việc mà thầy tào có thể làm tại nhà gồm: so số mệnh để xem các cặp đôi chuẩn bị kết hôn có hợp nhau hay không, tìm xem người ốm do ma hay do bệnh, xem ngày lành tháng tốt để thực hiện nghi lễ, viết chữ... Đây là những việc nhỏ nên người dân thường đến

tận nhà để nhờ, thời gian thực hiện cũng nhanh nên người ta thường tranh thủ đến lúc buổi trưa hoặc buổi tối khi thầy tào rảnh rỗi.

Những công việc mà thầy tào phải đến nhà của khách để thực hiện là cúng nhà mới, cúng ma ngoài sân, cúng trong các nghi lễ gắn với vòng đời người, trừ ma tà... Đây là những công việc hệ trọng, trong đó lớn nhất là đám tang, thầy tào phải thực hiện trong hai, ba ngày; việc nhỏ nhất là cúng ma ngoài sân, thời gian làm lễ khoảng một, hai tiếng.

Tùy vào từng nghi lễ với mức độ phức tạp khác nhau mà chủ nhà biếu thầy tào số tiền tương ứng. Quan trọng và phức tạp nhất là đám tang, nên số tiền gia chủ biếu thầy tào cũng nhiều nhất, khoảng bốn, năm triệu đồng. Lễ cúng ma ngoài sân khá đơn giản nên số tiền nhận được khoảng 100.000 đồng.

Bảng 1. Các nghi lễ do thầy tào thực hiện và số tiền được biếu

STT	Nghi lễ	Số tiền
1.	Cầu mẹ tròn con vuông (<i>cải xên toòng</i>)	400.000 đồng
2.	Lập bàn thờ mụ (<i>an va</i>)	400.000 đồng
3.	Cầu sức khỏe (<i>nam tái</i>)	200.000 đồng
4.	Lễ trưởng thành (<i>tức tổn</i>)	400.000 đồng
5.	Đám cưới (<i>kín lầu</i>)	1 triệu đồng
6.	Lễ sinh nhật (<i>văn sleng</i>)	600.000 đồng
7.	Đám tang (<i>pi thai</i>)	4 triệu đồng
8.	Thôi tang (<i>thột hào</i>)	1 triệu đồng
9.	Cúng ma ngoài sân (<i>pi thang sàn</i>)	100.000 đồng
10.	Vào nhà mới (<i>hòn mau</i>)	400.000 đồng
11.	Giải hạn (<i>chải quan</i>)	400.000 đồng

Nguồn: Khảo sát tại địa bàn nghiên cứu (2/2021)

Thời điểm các thầy đi lễ nhiều nhất trong năm là hai tháng cuối năm âm lịch, vì đây là thời điểm nông nhàn nên người dân tranh thủ làm lễ. Các tháng còn lại các thầy đi ít hơn vì là thời kỳ sản xuất, trừ

những việc bất đắc dĩ như đám tang hay có người ốm mới phải mời thầy về làm.

Theo quan sát của chúng tôi thì ông Tày Nhì và Tày Tàu là hai thầy được người dân tín nhiệm và mời đến nhà làm lễ nhiều nhất, thi thoảng ông Tày Slam có được mời nhưng rất ít, các thầy khác hầu như không có khách. Theo thống kê của chúng tôi, hai tháng cuối năm Canh Tý⁴, ông Tày Nhì đi cúng chung một đám tang và hai mươi sáu lần đi cúng riêng, ông Tày Tàu có một đám tang đi cúng chung và hai mươi chín lần đi cúng riêng.

Trong số hai mươi sáu lần đi cúng riêng của ông Tày Nhì, có một lễ lập bàn thờ mụ, sáu lễ trưởng thành (tức tởn), bảy lễ cúng người ốm, một lễ giải hạn, một lễ sinh nhật, sáu lễ vào nhà mới, ba lễ cưới, một lễ thôi tang. Đám tang có ba thầy đi làm, mỗi người được 1,3 triệu đồng. Theo Bảng 1, số tiền thầy tào nhận được trong hai tháng là 10,2 triệu đồng. Trong số hai mươi chín lần ông Tày Tàu đi cúng riêng, gồm một lễ lập bàn thờ mụ (an va), chín lễ trưởng thành, ba lễ giải hạn, hai lễ cưới, hai lễ thôi tang, một lễ bốc mộ, năm lễ vào nhà mới, sáu lễ cúng người ốm. Theo đó, trong hai tháng cuối năm Canh Tý, ông thu được 13,5 triệu đồng.

Về số tiền thu nhập từ nghề tào ở thôn Sơn Hồng, người nhiều lễ và thu được nhiều tiền nhất là ông Tày Tàu, thứ hai là ông Tày Nhì, thứ ba là ông Tày Hả, thứ tư là ông Tày Slam, thứ năm là ông Tày Hooc và cuối cùng là ông Tày Sli. Sở dĩ các ông Tày Sli và Tày Hooc xếp cuối cùng vì hai ông ít khi được mời đi làm lễ, thi thoảng khi có đám tang thì các ông Tày Tàu và Tày Nhì được mời đi giúp việc. Ông Tày Hả mặc dù mới vào nghề, nhưng do thỉnh thoảng được bố là ông Tày Tàu nhường cho đi làm một số lễ nhỏ và thường xuyên đi phụ giúp đám tang, nên thu nhập từ nghề tào xếp thứ ba. Ông Tày Slam mặc dù là một người giỏi về chuyên môn, nhưng do nghiện rượu nên vài năm trở lại đây ít khi được mời đi làm lễ riêng, chỉ thi thoảng đi làm đám tang cùng với các ông Tày Nhì và Tày Tàu.

Những thầy không được mời đi làm lễ riêng cũng giống như những người nông dân khác, thu nhập của họ chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, như trường hợp các ông Tày Sli và Tày Hooc. Do có sức khỏe

và chăm chỉ làm ăn, kinh tế của gia đình hai thầy này cũng thuộc loại khá so với mức trung bình của cả thôn. Ông Tày Slam trước đây khi còn được mời đi làm lễ nhiều thì thu nhập khá hơn, nhưng vài năm trở lại đây do sức khỏe yếu và mất uy tín nghề nên ít người mời đi lễ, thu nhập từ nghề không còn, nên đời sống của gia đình thuộc hàng thấp nhất thôn.

4. Vai trò và vị thế của các thầy tào trong đời sống cộng đồng

4.1. Vai trò cứu nhân độ thế

Người dân ở thôn Sơn Hồng gọi thầy tào là những người mắt sáng (*tha hùng*), là quan lại của thế giới âm (*quan dăm*), mục đích nghề nghiệp là cứu nhân độ thế. Trong lễ cấp sắc, người được cấp sắc phải thề trước bàn thờ tổ nghề là khi có người đến mời đi làm lễ, nếu có thể đi được thì không được từ chối, không được trọng giàu khinh nghèo, mọi người đều bình đẳng như nhau.

Theo thầy Tày Nhì, “trong năm, trừ ngày mừng một Tết là kiêng không được đi lễ, từ ngày mừng hai đến hết chiều ba mươi tháng chạp, có khách đến mời đi làm lễ thì dù gia đình đang bận công việc cũng phải bỏ lại để đi làm, khi người ta cần mình giúp đỡ thì không được phép từ chối, đặc biệt là đám tang”. Ngay cả trong những ngày mùa bận rộn, khi có người đến mời đi cúng đám tang, các thầy phải bỏ công việc gia đình để đi làm lễ. Nhiều năm sợ không kịp thời vụ, gia đình phải thuê người cấy gặt, số tiền thu được từ làm lễ có khi chỉ đủ để trả tiền công cho việc thuê người. Theo thầy Tày Tàu: “Khi người ta đến mời đi làm lễ, không cần biết họ là ai, gia đình giàu hay nghèo, công việc là gì, nếu mình chưa nhận đám khác thì mình phải giúp người ta. Nếu là những lễ nhỏ, có thể sắp xếp được ngày thì mình phải lên lịch cho khách, dù một ngày phải đi hai, ba lễ cũng phải chấp nhận”.

Một nguyên tắc nghề nghiệp nữa mà các thầy tào phải nghiêm túc chấp hành, đó là không được ra giá với khách. Sau khi thực hiện nghi lễ, gia chủ biếu bao nhiêu tiền thì họ nhận bấy nhiêu, dù ít hay nhiều cũng vui vẻ chấp nhận, không được than phiền. Thông thường, chủ nhà sẽ biếu thầy số tiền theo mặt bằng chung. Ở Sơn Hồng có ông thầy vài năm trước thường xuyên được người dân mời đi làm lễ,

nhưng khoảng hơn hai năm trở lại đây không còn được mời, một phần là do ông thường yêu cầu số tiền lễ nên không được cộng đồng tin tưởng nữa.

Về việc biếu tiền cho thầy cúng, anh Hoàng H. (sinh năm 1995, thôn Sơn Hồng, phỏng vấn tháng 2/2021) cho biết: “Mặc dù thầy tào không yêu cầu mình phải trả bao nhiêu tiền, nhưng mình cũng phải hỏi mọi người xem biếu thầy thế nào cho phù hợp. Mình cho nhiều hay ít hơn cũng không được, ví dụ lễ trưởng thành người ta biếu 400.000 đồng, mình cũng phải gửi thầy bằng đấy”.

4.2. Vị thế của thầy tào trong quan niệm của cộng đồng

Cũng giống như người Choang ở Quảng Tây [Lý Lăng Lâm (李凌林), Mạc Vận Hạ (莫运夏), 2015], thầy tào là những người có vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu trong đời sống của người dân ở thôn Sơn Hồng. Trong quan niệm của họ, thầy tào là đại diện của Ngọc Hoàng, biết đọc sách chữ Hán, nắm giữ nhiều tri thức dân gian. Các gia đình khi có việc lớn thường đến xin ý kiến của tào.

Nhìn từ khía cạnh gia đình và thôn bản, mọi biến động về mặt tín ngưỡng đều có sự hiện diện của thầy tào, từ lễ vào nhà mới, lễ cúng ma ngoài sân, trừ ma quỷ, xua đuổi vận đen, chọn hướng xuất hành, tìm người xông nhà, cúng thổ công, lễ quét bản... “Một năm ở bản Tình Sloong có sáu lễ cúng thần thổ công, tất cả các lễ đều phải có sự hiện diện của thầy Tày Tàu. Ông là người cúng và cầu khẩn để chuyển những ước nguyện của người dân đến thần linh”, ông Hoàng Quốc P. (sinh năm 1966, phỏng vấn tháng 02/2021) chia sẻ.

Nhìn từ khía cạnh đời người, thầy tào xuất hiện trong tất cả các nghi lễ từ khi sinh ra đến lúc nhắm mắt. Thời thơ ấu có các nghi lễ: cầu mẹ tròn con vuông, lập bàn thờ mụ, cầu khỏe mạnh; thời niên thiếu có lễ giải hạn, lễ trưởng thành; thời kỳ trưởng thành có lễ cưới; khi về già có lễ sinh nhật, đám tang; sau khi mất có lễ bốc mộ... Theo ông Hoàng Cao N. thì “Cha mẹ là người nuôi dưỡng về mặt thể xác, còn thầy tào là người bảo vệ linh hồn. Khi ốm đau bệnh tật, người ta vừa đi bệnh viện khám, vừa mời thầy cúng xem có phải do ma quỷ quấy phá hay không. Nếu ốm đau bệnh tật thì chữa, còn ma quỷ quấy

phá thì mời thầy về làm lễ đuổi đi” (PVS ông Hoàng Cao N. Sinh năm 1941, thôn Sơn Hồng, tháng 02/2021)

Những lời răn dạy và hành động mang tính biểu tượng được thầy tào thực hiện trong các nghi lễ, ngoài ý nghĩa về mặt tín ngưỡng còn có giá trị giáo dục. Đó là việc răn dạy con người hướng tới cái đẹp, hiếu thuận với cha mẹ, chăm lo việc thờ phụng tổ tiên [Liêu Mộng Khê (廖梦溪), 2015].

Ngoài ra, thầy tào với vị thế là những người đức độ và hiểu biết còn tham gia giải quyết mâu thuẫn giữa các thành viên trong cộng đồng. Theo ông Hoàng Văn H. (sinh năm 1981, phỏng vấn tháng 02/2021) ở thôn Sơn Hồng, khoảng mười năm trở lại đây, thầy Tày Tàu đã được nhân dân bầu là người có uy tín. Khi trong bản xảy ra tranh chấp, cùng với chính quyền xã và thôn, ông cũng là thành viên tham gia vào việc hòa giải. Như vậy, rõ ràng trong đời sống hằng ngày, thầy tào cũng là một nhân tố đóng góp vào việc xây dựng mối quan hệ đoàn kết giữa các thành viên và giữa các gia đình trong thôn.

Thầy tào không chỉ chăm lo đời sống tinh thần cho người dân, mà còn là người gìn giữ và lưu truyền các giá trị văn hóa truyền thống từ đời này sang đời khác. Thông qua những nghi lễ, thầy tào giúp cho người dân cảm thấy yên tâm về mặt tinh thần, khi gia đình có việc luôn có những người sẵn sàng giúp đỡ họ. Những công việc của thầy tào cũng là một phần trong nỗ lực duy trì văn hóa truyền thống, thông qua những nghi lễ tín ngưỡng, chúng ta thấy được bản sắc dân tộc của người Nùng Phàn Slình [Hoàng Thị Hà, 2011].

Kết luận

Thầy tào là những người xuất thân từ nông dân, trước khi *cấp sắc* họ cũng là người bình thường như những người khác. Có hai con đường để một người bình thường trở thành thầy tào: Cha truyền con nối, nối nghiệp của tổ tiên; có căn, buộc phải làm do tổ nghề lựa chọn.

Lễ cấp sắc được tổ chức với nhiệm vụ cấp sắc cho một người bình thường trở thành tào. Sau khi được cấp sắc, người làm tào phải chấp hành những quy định và kiêng kỵ riêng. Những ai chấp hành tốt quy định, có uy tín nghề nghiệp sẽ có nhiều người đến mời đi làm nghề;

những người vi phạm quy định, không chăm lo học nghề sẽ không được mọi người tin tưởng. Việc được mời đi làm lễ không chỉ thể hiện uy tín nghề nghiệp mà còn liên quan đến thu nhập. So với số tiền thu được từ sản xuất nông nghiệp, những tháng cuối năm khi có nhiều người mời tào đi cúng, thu nhập từ làm nghề cao hơn nhiều so với làm ruộng.

Thầy tào là người chăm lo đời sống tín ngưỡng của dân, biết đọc chữ Hán, nắm giữ nhiều tri thức dân gian, nên rất có uy tín trong cộng đồng. Do đó, thầy tào không chỉ có vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, mà tham gia xây dựng mối quan hệ đoàn kết giữa các thành viên trong cộng đồng. Những công việc của tào đang thực hiện hàng ngày không chỉ có ý nghĩa về mặt tâm linh, mà còn góp phần lưu truyền những giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Tháng 12/2020, xã Gia Cát có 1.169 hộ với 5.054 nhân khẩu, trong đó người Nùng chiếm 51,38%, người Tày 44,69%; người Kinh chiếm 3,93%.
- 2 Câu dân gian thường dùng để gọi những người làm thầy tào.
- 3 Các ông thầy giữ vị trí như sau: *xên pi* giống như ông nội; *chủ cai*, giống như bố đẻ; *xên tổ* giống như mẹ đẻ; *páo cử* giống như bà ngoại; *sập dậu* giống như bạn bè.
- 4 Tháng mười một và tháng mười hai âm lịch, năm Canh Tý, tức từ ngày 14/12/2020 đến ngày 11/02/2021.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Lê Minh Anh (2019), *Quan hệ dòng họ của người Nùng Phàn Slình ở vùng cao biên giới Việt – Trung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Chu Xuân Giao (2000), *Đời sống, vai trò và bản chất của thầy tào người Nùng An qua trường hợp bản Phia Chang*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa dân gian, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội.
3. Hoàng Thị Hà (2011), *Bước đầu tìm hiểu vai trò già bản – thầy cúng trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở: xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn*, Sở Thông tin và Truyền thông Lạng Sơn.
4. Lương Thị Hạnh (Chủ nhiệm đề tài, 2016), *Thầy tào người Tày ở huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (Nghiên cứu qua một số trường hợp cụ thể)*, Trường Đại học Thái Nguyên.
5. Vũ Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (1999), *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

6. Ngô Vi Liễn (1999), *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày – Nùng – Thái ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Hoàng Nam (1992), *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Vương Toàn (2012), “Sự khác biệt giữa các ngành Nùng ở Việt Nam và những câu hỏi còn bỏ ngỏ”, in trong: *Cộng đồng các tộc người ngữ hệ Thái – Kadai ở Việt Nam: Truyền thống, hội nhập và phát triển*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
10. Trung tâm lưu trữ quốc gia I (2017), *Địa danh làng xã Việt Nam qua tài liệu địa bàn triều Nguyễn, tập 1*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
11. Nguyễn Kim Tường (1999), *Vai trò của thầy tào trong đời sống người Nùng Phàn Slình ở Hải Yến, Cao Lộc, Lạng Sơn*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học xuất bản, Hà Nội.
13. Nguyễn Thị Yên (2008), “Quan hệ giao lưu của thầy cúng người Tày khu vực biên giới Hạ Lang, Cao Bằng”, *Văn hóa dân gian*, số 1.
14. Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Trung Quốc

1. Cam Linh (甘羚) (2008), *Nghiên cứu về truyền thống của pháp sư và các nghi lễ nông thôn của dân tộc Choang (师巫传统与壮族乡村仪式演剧研究)*, Đại học Sư phạm Quảng Tây (广西师范大学).
2. Hoàng Vũ (黄羽) (2014), Tóm tắt nghiên cứu về tín ngưỡng Tào của người Choang (壮族师公仪式研究综述), *Nghiên cứu Văn hóa dân gian (民族民间文化研究)*, số 1 (1 期).
3. Liêu Mộng Khê (廖梦溪) (2015), *Phân tích về tín ngưỡng, phong tục và giá trị xã hội của người Sư công ở Quảng Tây (广西师公信仰习俗及其社会价值浅析)*, Triển lãm Dân tộc Trung Quốc (中国民族博览).
4. Lý Lăng Lâm (李凌林), Mạc Vận Hạ (莫运夏) (2015), *Diễn giải nhân văn về vai trò của Sư công dân tộc Choang ở Quảng Tây (广西壮族师公角色的人文主义解读)*, *Học viện Giáo dục Quảng Tây (广西教育学院学报)*, số 139 (第 139 期).
5. Lục Tú Xuân (陆秀春) (2019), *Nghiên cứu về tín ngưỡng và phong tục Sư công của thị trấn Phụng Ngô, huyện Bình Quả: Trường hợp lớp học Sư công của Vi Lệ (平果县凤梧壮族师公信仰习俗研究 以韦锦利师公班为例)*, Đại học Dân tộc Quảng Tây (广西民族大学).

6. Mạc Âu Chánh (莫幼政) (2009), Một nghiên cứu so sánh về tín ngưỡng dân tộc Choang và tôn giáo của Sư công dân tộc Choang (壮族麽教与壮族师公教的比较研究), *Nghiên cứu Dân tộc Quảng Tây* (广西民族研究), số 96 (第 96 期).
7. Thời Quốc Khánh (时国轻) (2006), *Phân tích mối quan hệ giữa Đạo giáo và tôn giáo của Choang* (道教与壮族麽教关系浅析), Diễn đàn Đạo giáo (道教论坛).
8. Dương Thọ Triết (杨树喆) (2001), Sư công dân gian Choang và Đạo giáo: Sự hòa trộn và hội nhập của Phù thủy, Đạo giáo và Nho giáo (壮族民间师公教 : 巫傩道释儒的交融与整合), *Đại học Dân tộc Trung Quốc* (中央民族大学学报), số 137 (第 137 期).
9. Dương Thọ Triết (杨树喆) (2007), *Sư công - Nghi lễ - Niềm tin* (师公-仪式-信仰), Nxb. Dân tộc Quảng Tây (广西民族出版社).
10. Vô Lợi Quân 毋利军 (2020), Nghiên cứu về nghi lễ cấp sắc thầy tào của người Choang (壮族道公戒道仪式研究), *Nghiên cứu Tôn giáo* (宗教学研究), số 2 (第 2 期).

Abstract

ROLES AND STATUS OF “THẦY TÀO” OF THE NÙNG PHẦN SLINH IN SON HONG HAMLET, GIA CAT COMMUNE, CAO LOC DISTRICT, LANG SON PROVINCE

Ly Viet Truong

*Institute of Vietnam Studies and Development Science
VNU-Hanoi*

This article is the result of fieldwork conducted in Son Hong hamlet in January and February 2021. Through an overview of documents, the author found that the published works on Tào belief in Vietnam and China have just mentioned the religious aspect, while the life of the “thầy tào” has not been studied by researchers. Based on the findings in the fieldwork, the article analyzes the economic life and social status of the “thầy tào” in Son Hong hamlet, thereby contributing an additional perspective on the “thầy tào”- the intellectuals who play an important role in the spiritual life of the Nung Phan Slinh from tradition to the present.

Keywords: Nung Phan Slinh; thầy tào; Son Hong; Lang Son.